

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 148-V01/TPP-CTY/2023

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 38609003

Fax : (028) 38607622

E-mail: info@tanphuvietnam.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303640880

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **BÌNH NƯỚC CAO CẤP BIWA PLUS**

2. Thành phần: Nhựa ABS, nhựa SAN, nhựa PP, hạt màu, silicone

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không áp dụng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: 30 cái/thùng carton.

Hoặc đóng gói theo quy cách yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

- Sản xuất tại:

+ Công ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam - Chi nhánh tại Bắc Ninh (được mã hóa là Nhà máy Bắc Ninh).

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Xuân Lâm, Phường Xuân Lâm, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

+ Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam - Chi nhánh tại Thành Phố Hồ Chí Minh (được mã hóa là Nhà máy Hồ Chí Minh).

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

+ Công ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam - Chi nhánh tại Long An (được mã hóa là Nhà máy Long An).

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa Hạ (lô C16), Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”
- QCVN 12-2:2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày... tháng ... năm 2023

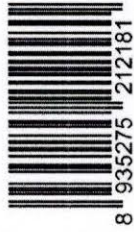
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



*Ngô Đức Trung*  
Phó Tổng giám đốc

# MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

**Tên sản phẩm** Bình nước cao cấp Biwa Plus  
**Dung tích** 1,6 L  
**Mã sản phẩm** HIN.BBWP:1600  
**Thông số kỹ thuật** Kích thước (D x R x C)  
tương ứng (156 x 103 x 255) mm  
**Khối lượng tịnh** 273 g  
**Thành phần** Nhựa ABS, Nhựa SAN, Nhựa PP,  
Hạt màu, Silicone  
**Hướng dẫn sử dụng** Dùng để đựng nước uống hoặc  
các loại nước ép  
**Bảo quản** Nơi khô ráo, thoáng mát  
**Thông tin cảnh báo** Tránh xa nguồn nhiệt



SX.03/2023  
Sản xuất tại Việt Nam

**Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi**  
**Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam**  
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh,  
Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

Nơi sản xuất được mã hóa:  
 Nhà máy Bắc Ninh  
 Nhà máy Hồ Chí Minh  
 Nhà máy Long An

**Tên sản phẩm** Bình nước cao cấp Biwa Plus  
**Dung tích** 2,1 L  
**Mã sản phẩm** HIN.BBWP:2100  
**Thông số kỹ thuật** Kích thước (D x R x C)  
tương ứng (156 x 103 x 305) mm  
**Khối lượng tịnh** 305 g  
**Thành phần** Nhựa ABS, Nhựa SAN, Nhựa PP,  
Hạt màu, Silicone  
**Hướng dẫn sử dụng** Dùng để đựng nước uống hoặc  
các loại nước ép  
**Bảo quản** Nơi khô ráo, thoáng mát  
**Thông tin cảnh báo** Tránh xa nguồn nhiệt



SX.03/2023  
Sản xuất tại Việt Nam

**Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi**  
**Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam**  
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh,  
Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

Nơi sản xuất được mã hóa:  
 Nhà máy Bắc Ninh  
 Nhà máy Hồ Chí Minh  
 Nhà máy Long An



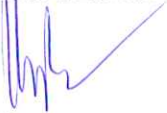
KT3-02623AHD3

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

06/06/2023  
Page 01/06

1. Tên mẫu : BÌNH NƯỚC CAO CẤP BIWA PLUS  
*Name of sample*
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*  
*Description*  
(xem hình trang 06/06/ see picture on page 06/06)
3. Số lượng mẫu : 01  
*Quantity*
4. Ngày nhận mẫu : 23/05/2023 (bổ sung mẫu ngày 26/05/2023)  
*Date of receipt*
5. Thời gian thử nghiệm : 24/05/2023 – 06/06/2023  
*Testing duration*
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM  
314 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú,  
Thành phố Hồ Chí Minh  
*Customer*
7. Kết quả thử nghiệm : Xem các trang tiếp theo  
*Test results*  
*Refer to next pages*

**P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG**  
**DEPUTY HEAD OF CONSUMER**  
**PRODUCTS TESTING LAB.**

  
Nguyễn Thị Thùy Nhi

**TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR**  
**TRUNG TÂM PHÒNG THỬ NGHIỆM**  
**HEAD OF TESTING LAB.**

  
Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) và [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact Quatest 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) and [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) for further information about test report.*

KT3-02623AHD3

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

06/06/2023  
 Page 02/06

**A- THÂN**

Các thử nghiệm sau đây thực hiện theo yêu cầu khách hàng  
 The following tests are carried out according to the customer's request

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result	Mức yêu cầu Require- ment (*)
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method</i>	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Acrylo-nitrile styrene copolymer	-
<b><u>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</u></b>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadimi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
<b><u>THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST</u></b>					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO<sub>4</sub> consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10

**Ghi chú/ Note:**

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(\*) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods”.*

KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) và [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact Quatest 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) and [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) for further information about test report .*

KT3-02623AHD3

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

06/06/2023  
 Page 03/06



**B- NẮP**

Các thử nghiệm sau đây thực hiện theo yêu cầu khách hàng  
*The following tests are carried out according to the customer's request*

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment (*)</i>
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method</i>	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Acrylonitrile butadiene styrene copolymer + Polyalkylacrylate	-
<b><u>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</u></b>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadimi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
<b><u>THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST</u></b>					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO <sub>4</sub> sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO<sub>4</sub> consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10

**Ghi chú/ Note:** Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample only.*  
 (\*) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods”.*  
 KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*  
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) và [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact Quatest 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) and [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) for further information about test report.*



KT3-02623AHD3

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

06/06/2023  
 Page 04/06

**C- RON + NÚT**

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Requirement (*)</i>
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>Ron</li> <li>Nút</li> </ul>	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Silicone Silicone	
<b><u>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</u></b>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadimi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.4 Thử 2-Mercapto imidazoline/ <i>2-Mercapto imidazoline test</i>	-	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	N/A	Âm tính <i>Negative</i>
<b><u>THỬ NGÂM THÔI NHIỆM/ ELUTION TEST (Ron + nút)</u></b>					
7.5 Hàm lượng phenol trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Phenol content in water after 30 min at 60 °C,</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	< 5	≤ 5
7.6 Thử formaldehyde trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Formaldehyde test in water after 30 min at 60 °C,</i>	-	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	Âm tính <i>Negative</i>	Âm tính <i>Negative</i>
7.7 Hàm lượng kẽm trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Zinc content in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C,</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 15
7.8 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals (as Pb) in 4% acetic acid after 30 min at 60 °C,</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	< 1,0	≤ 1
7.9 Hàm lượng cặn khô/ <i>Evaporation residue,</i>		QCVN 12-2 : 2011/BYT			
<ul style="list-style-type: none"> <li>Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C,</i></li> <li>Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C,</i></li> <li>Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i></li> </ul>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 60
	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 60
	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 60

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*  
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*  
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*  
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*  
 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) và [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact Quatest 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) and [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) for further information about test report .*

KT3-02623AHD3

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

06/06/2023  
Page 05/06



**Ghi chú/ Note:**

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*  
(\* ) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-2 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”./ *According to Technical specification of QCVN 12-2 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for rubber implements, container and packaging in direct contact with foods”.*  
KPH/ND : Không phát hiện/ *Not detected*  
(N/A) - Không áp dụng đối với cao su không chứa clo/ *Not applicable for rubber not containing chlorine*



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.*
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) và [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
*Please contact Quatest 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) and [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) for further information about test report.*



KT3-02623AHD3

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

06/06/2023  
Page 06/06



# QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence level.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*Please contact Quatest 3 at the email addresses [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) and [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) for further information about test report .*
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ [dh.cs@quatest3.com.vn](mailto:dh.cs@quatest3.com.vn) và [rq.tn@quatest3.com.vn](mailto:rq.tn@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.